TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày:16/02/2023.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Huấn
Các hội thẩm nhân dân: Bà Pang Ting Suyl;
Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 414/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2022 về việc: "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST – HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Thanh T, sinh năm: 1982; địa chỉ: Thôn 5, xã G L, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Đào Đức Th, sinh năm: 1971; địa chỉ: Thôn 5, xã G, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Th vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Trịnh Thị Thanh T trình bày: Bà và ông Đào Đức Th xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 22/11/2018. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp và không có tiếng nói chung. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hòa giải nhưng không được nên vợ chồng đã sống ly Th được hơn một năm nay. Trong thời gian sống ly Th thì vợ chồng không còn liên lạc và quan T gì đến nhau nữa. Nay bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà không còn tình cảm với ông Th nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là Đào Thị Minh Ch, sinh ngày 21/10/2018 và Đào Đức H, sinh ngày 13/02/2021. Khi ly hôn, bà đề nghị giao cả 02 con chung cho bà được trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, bà không yêu cầu ông Đào Đức Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khẳng định giữa bà và ông Th không có tài sản chung và không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai của bị đơn ông Đào Đức Th trình bày: Ông xây dựng gia đình với bà T trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 22/11/2018. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly Th nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay, trong thời gian sống ly Th vợ chồng vẫn liên lạc để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay bà T xin ly hôn với ông thì ông xác định vẫn còn tình cảm với bà T nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là Đào Thị Minh Ch, sinh ngày 21/10/2018 và Đào Đức H, sinh ngày 13/02/2021. Khi ly hôn, ông đề nghị giao con chung là Đào Thị Minh Ch, sinh ngày 21/10/2018 cho ông được trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục; giao con chung là Đào Đức H, sinh ngày 13/02/2021 cho bà T có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án đã được Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được do vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trịnh Thị Thanh T, xử cho bà Trịnh Thị Thanh T và ông Đào Đức Th được ly hôn; về con chung: Đề nghị giao cả 02 con chung là Đào Thị Minh Ch, sinh ngày 21/10/2018 và Đào Đức H, sinh ngày 13/02/2021 cho bà Trịnh Thị Thanh T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, về cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; về tài sản chung và nợ chung các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Buộc bà Trịnh Thị Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trịnh Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn ông Đào Đức Th được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tung dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trịnh Thị Thanh T và ông Đào Đức Th xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 22/11/2018 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án thì bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Th, còn ông Th xác định vẫn còn tình cảm với bà T nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa bà T và ông Th có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung cũng như không thống nhất được với nhau trong cách cư xử trong gia đình. Hơn nữa, do kinh tế gia đình khó khăn lại ở nhờ nhà bố mẹ vợ nên giữa ông Th và gia đình bà T có xảy ra mâu thuẫn, khi xảy ra mâu thuẫn thì ông Th không tìm cách giải quyết mà đã bỏ ra ngoài thuê phòng trọ sống một mình làm cho mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng ngày càng trở nên lạnh nhạt và trầm trọng hơn. Ông Th không muốn ly hôn nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Th đến Tòa án để hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng ông Th đều vắng mặt không có lý do, không có thiện chí để cho Tòa án hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, vợ chồng đã sống ly Th từ cuối năm 2020 cho đến nay, trong thời gian sống ly Th thì hai bên không còn quan T đến nhau. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T, xử cho bà Trịnh Thị Thanh T và ông Đào Đức Th được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Trịnh Thị Thanh T và ông Đào Đức Th có 02 con chung là Đào Thị Minh Ch, sinh ngày 21/10/2018 và Đào Đức H, sinh ngày 13/02/2021. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T đề nghị được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con. Còn ông Th yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đào Thị Minh Ch, sinh ngày 21/10/2018 và giao con chung là Đào Đức H, sinh ngày 13/02/2021

cho bà T trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc bà T và ông Th đều có nguyện vọng nuôi con chung là cháu Đào Thị Minh Ch, sinh ngày 21/10/2018 là chính đáng. Tuy nhiên, khi giao con cho cha hay mẹ nuôi phải đảm bảo điều kiện tốt nhất cho trẻ phát triển về cả thể chất lẫn tinh thần. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh

tại địa phương nơi bà T và ông Th cư trú thì được biết, hiện nay ông Th không có nhà cửa phải đi thuê phòng trọ để ở và đi làm thuê nên điều kiện kinh tế khó khăn. Còn bà T có nhà cửa và sự hỗ trợ của ông bà ngoại trong việc chăm sóc các con tốt hơn ông Th. Hơn nữa, từ khi vợ chồng sống ly Th cho đến nay thì các con vẫn do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Mặt khác, hiện nay cháu Châu vẫn còn nhỏ lại là con gái nên cần sự quan T, chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Vì vậy, căn cứ Điều 81 luật hôn nhân và gia đình, giao cả 02 con chung là Đào Thị Minh Ch, sinh ngày 21/10/2018 và Đào Đức H, sinh ngày 13/02/2021 cho bà T có trách nhiệm trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Buộc bà T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.;

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trịnh Thị Thanh T, xử cho bà Trịnh Thị Thanh T và ông Đào Đức Th được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cả 02 con chung là Đào Thị Minh Ch, sinh ngày 21/10/2018 và Đào Đức H, sinh ngày 13/02/2021 cho bà Trịnh Thị Thanh T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Đào Đức Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Trịnh Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Trịnh Thị Thanh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003512 ngày 30/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Bà Trịnh Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*."

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- UBND xã Gia Lâm,
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Huấn

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Ngô Thị Luân **Trần Thị Hằng** **Trần Minh Huấn**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- UBND TT Nam Ban, huyện Lâm Hà,
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Huấn